

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 7
3. Báo cáo tài chính đã được soát xét	
- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	8 - 9
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	11
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	12 - 38

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Việt Trung được cổ phần hóa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3100114493 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 02 tháng 07 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 01 tháng 10 năm 2017. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

2. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính gồm các vị như sau:

Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Minh	Chủ tịch
Ông Phan Văn Thành	Thành viên
Ông Phạm Xuân Thành	Thành viên
Ông Dương Chí Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Hải Thanh	Thành viên
Ông Lê Vũ Thành	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hải	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Phan Văn Thành	Giám đốc
Ông Phạm Xuân Thành	Phó Giám đốc
Ông Dương Chí Bình	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong suốt kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính gồm các vị như sau:

Ban Kiểm soát

Bà Hoàng Thị Thu Hương	Trưởng ban
Ông Nguyễn Đức Hồng	Thành viên
Bà Nguyễn Ngọc Thùy Dương	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Văn Minh - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

14064
NG T
HIỆM P
PK
T N
JAN

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được soát xét đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là đơn vị thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019.

7. Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Số: 06/2019/BCSX-PKF.NHN

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2019

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 của Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình được lập ngày 13 tháng 08 năm 2019 bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 được trình bày từ trang 8 đến trang 38 kèm theo.

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/12/2017, Công ty đã thực hiện phân bổ chi phí sản xuất chung và chi phí quản lý doanh nghiệp cho hoạt động xây dựng cơ bản với giá trị lần lượt là 1.308.842.582 đồng và 634.384.035 đồng. Theo đó, Khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" (mã số 242) và Khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (mã số 421) trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2019 đang bị phản ánh cao hơn với số tiền là 1.943.226.617 đồng.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ (Tiếp theo)

Công ty chưa thực hiện trích đầy đủ khấu hao tài sản cố định hữu hình vào chi phí sản xuất kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/12/2017. Theo đó, giá trị hao mòn lũy kế tài sản cố định hữu hình tại ngày 30/06/2019 đang bị phản ánh thiếu với số tiền là 444.916.316 đồng, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đang được phản ánh cao hơn với số tiền tương ứng.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty đang bị âm với số tiền 3.311.454.214 đồng (số dư quỹ khen thưởng phúc lợi tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là âm 3.276.605.146 đồng). Chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Công ty đang ghi nhận giá trị khoản mục vốn góp của chủ sở hữu (mã số 411) vào thời điểm bắt đầu hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần là 170.817.912.550 đồng. Trong khi đó, vốn điều lệ trên đăng ký doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa được phê duyệt là 185.723.720.000 đồng. Số tiền chênh lệch 14.905.807.450 đồng là do năm 2016 Công ty thực hiện bàn giao tài sản là hệ thống nhà trẻ và đường giao thông cho chính quyền địa phương quản lý theo Quyết định số 3015/QĐ-UBND ngày 30/09/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình. Tuy nhiên tới thời điểm lập Báo cáo này, Công ty chưa nhận được Quyết định về việc giảm vốn Nhà nước, đồng thời biên bản xác định vốn Nhà nước giữa Nhà nước và Công ty chưa được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tại thuyết minh số 5.14 - Phải trả khác. Tại thời điểm 30/06/2019, Công ty đang nợ Bảo hiểm xã hội với số tiền là 21.432.815.834 đồng (tại ngày 31/12/2018 là 22.512.202.190 đồng). Khoản nợ này phát sinh liên tục từ năm 2015 đến năm 2018. Vấn đề này không ảnh hưởng tới kết luận ngoại trừ của chúng tôi.

Mặc dù không đưa ra kết luận ngoại trừ, chúng tôi xin lưu ý người đọc đến thuyết minh 2.2 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, trong đó trình bày tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, tài sản ngắn hạn của Công ty là 16.908.743.235 đồng, nợ ngắn hạn của Công ty là 119.114.902.627 đồng, theo đó nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt tài sản ngắn hạn của Công ty với số tiền là 102.206.159.392 đồng. Ngoài ra, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh bị âm 26.542.107.924 đồng. Theo hướng dẫn của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 570, đây là dấu hiệu cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã xây dựng phương án kinh doanh để đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn trong vòng 01 năm tới. Do vậy, Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 chưa được soát xét.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Chu Quang Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1022-2018-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B01a - DN

Ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		16.908.743.235	42.399.569.716
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	395.518.446	17.982.680.538
Tiền	111		395.518.446	17.982.680.538
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.112.670.388	10.443.964.221
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	1.558.867.728	1.485.486.418
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		22.000.120	299.727.120
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	3.768.040.927	9.494.197.023
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.4	(1.236.238.387)	(835.446.340)
Hàng tồn kho	140	5.5	12.374.203.223	13.950.835.092
Hàng tồn kho	141		12.430.515.170	13.950.835.092
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(56.311.947)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		26.351.178	22.089.865
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	474.999
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12a	26.351.178	21.614.866
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		249.672.997.895	247.293.984.957
Tài sản cố định	220		101.071.359.194	85.586.314.869
Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	101.071.359.194	85.586.314.869
- Nguyên giá	222		224.519.908.948	205.489.474.128
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(123.448.549.754)	(119.903.159.259)
Tài sản dở dang dài hạn	240		65.527.749.521	78.672.382.929
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.7	65.527.749.521	78.672.382.929
Đầu tư tài chính dài hạn	250		81.840.000.000	81.840.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.8	81.840.000.000	81.840.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		1.233.889.180	1.195.287.159
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	1.233.889.180	1.195.287.159
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		266.581.741.130	289.693.554.673

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Mẫu số B01a - DN

Ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
NỢ PHẢI TRẢ	300		124.073.978.626	136.649.552.224
Nợ ngắn hạn	310		119.114.902.627	130.298.140.873
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	11.303.323.876	12.236.375.137
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	6.017.178.266	4.233.424.830
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12b	1.411.273.139	1.346.041.513
Phải trả người lao động	314		5.622.364.090	8.022.859.830
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	192.581.362	249.743.563
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14a	28.415.147.686	47.172.030.697
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15a	69.464.488.422	60.314.270.449
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(3.311.454.214)	(3.276.605.146)
Nợ dài hạn	330		4.959.075.999	6.351.411.351
Phải trả dài hạn khác	337	5.14b	292.000.000	292.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15b	4.667.075.999	6.059.411.351
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		142.507.762.504	153.044.002.449
Vốn chủ sở hữu	410	5.16	141.827.762.504	152.364.002.449
Vốn góp của chủ sở hữu	411		170.817.912.550	170.817.912.550
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		170.817.912.550	170.817.912.550
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(28.990.150.046)	(18.453.910.101)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(18.453.910.101)	(19.294.600.965)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(10.536.239.945)	840.690.864
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		680.000.000	680.000.000
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		680.000.000	680.000.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		266.581.741.130	289.693.554.673

Quảng Bình, ngày 13 tháng 08 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ





Phan Hữu Bằng

Nguyễn Hải Thanh

Nguyễn Văn Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B02a - DN

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	15.550.972.526	10.865.025.422
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		15.550.972.526	10.865.025.422
Giá vốn hàng bán	11	6.2	16.535.662.959	11.564.526.476
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(984.690.433)	(699.501.054)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.259.458.112	997.704.996
Chi phí tài chính	22	6.4	2.893.422.854	2.623.360.976
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.643.569.298	2.248.429.153
Chi phí bán hàng	25	6.5a	423.085.017	216.595.782
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5b	7.280.443.539	4.197.474.085
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(9.322.183.731)	(6.739.226.901)
Thu nhập khác	31	6.6	1.147.534.898	3.350.888.070
Chi phí khác	32	6.7	2.361.591.112	183.497.516
Lợi nhuận khác	40		(1.214.056.214)	3.167.390.554
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(10.536.239.945)	(3.571.836.347)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(10.536.239.945)	(3.571.836.347)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	(567)	(192)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		(567)	(192)

Quảng Bình, ngày 13 tháng 08 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ





Phan Hữu Bằng

Nguyễn Hải Thanh

Nguyễn Văn Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B03a - DN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(10.536.239.945)	(3.571.836.347)
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	3.545.390.495	4.050.892.600
Các khoản dự phòng	03	457.103.994	-
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.259.458.112)	(2.623.360.976)
Chi phí lãi vay	06	2.643.569.298	2.248.429.153
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD	08	(6.149.634.270)	104.124.430
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	1.469.748.526	(2.184.342.543)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	1.576.631.869	(1.643.965.857)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(2.112.163.138)	7.537.769.277
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(38.602.021)	86.459.616
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.688.123.615)	(1.634.775.569)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.899.021)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	180.000	2.657.375.549
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(18.595.246.254)	(7.988.333.570)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(26.542.107.924)	(3.065.688.667)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(5.462.394.901)	(476.108.689)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.659.458.112	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.197.063.211	(476.108.689)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	75.798.635.621	27.940.753.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	(68.040.753.000)	(52.070.599.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	7.757.882.621	(24.129.846.600)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(17.587.162.092)	(27.671.643.956)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	17.982.680.538	49.546.770.590
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	395.518.446	21.875.126.634

Quảng Bình, ngày 13 tháng 08 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ






Phan Hữu Bằng

Nguyễn Hải Thanh

Nguyễn Văn Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Việt Trung được cổ phần hóa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3100114493 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 02 tháng 07 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 01 tháng 10 năm 2017. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 185.723.720.000 đồng (Một trăm tám mươi lăm tỷ, bảy trăm hai mươi ba triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng chẵn).

Vốn điều lệ trên đăng ký doanh nghiệp đang cao hơn so với số dư vốn góp của chủ sở hữu (170.817.912.550 đồng) do trong năm 2016 Công ty thực hiện bàn giao tài sản lại cho chính quyền địa phương theo QĐ số 3015/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình ngày 30/09/2016 V/v: Điều chuyển hệ thống nhà trẻ, đường giao thông của Công ty TNHH MTV Việt Trung để bàn giao địa phương quản lý: 14.905.807.450 đồng. Tuy nhiên tới thời điểm lập Báo cáo này, Công ty chưa nhận được Quyết định về việc giảm vốn nhà nước sau khi cổ phần hóa. Công ty cũng chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quyết toán cổ phần hóa đến thời điểm lập báo cáo này.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

- Trồng cây cao su: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và tiêu thụ mủ cao su;
- Chế biến gỗ nguyên liệu, gỗ thành phẩm;
- Kinh doanh khách sạn, du lịch;

Tổng số cán bộ công nhân viên tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 là 469 người (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 535 người).

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được tổng hợp số liệu từ văn phòng Công ty và 02 chi nhánh phụ thuộc. Mọi giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn trên báo cáo này.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở tại: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Đơn vị	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ sở hữu	Hoạt động chính	Địa chỉ
Hạch toán phụ thuộc				
Khách sạn Phú Quý			Khách sạn	Tp. Đồng Hới, Quảng Bình
Nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu Phú Quý			Chế biến gỗ	Tp. Đồng Hới, Quảng Bình
Công ty liên doanh liên kết				
Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa phát Quảng Bình	27,28%	27,28%	Chăn nuôi bò	Huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.2 Giả định về tính hoạt động liên tục

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, tài sản ngắn hạn của Công ty là 16.908.743.235 đồng, nợ ngắn hạn của Công ty là 119.114.902.627 đồng, theo đó nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt tài sản ngắn hạn của Công ty với số tiền là 102.206.159.392 đồng, ngoài ra lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh bị âm 26.542.107.924 đồng. Tuy nhiên năm 2019, Ban Giám đốc Công ty đã xây dựng phương án kinh doanh để đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn trong vòng 01 năm tới. Do vậy, Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 cho mục đích công bố thông tin.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 20 năm
Máy móc và thiết bị	05 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm	06 - 40 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05 năm

4.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí đầu tư vườn cây cao su mới. Thời gian đầu tư từ khi trồng mới tới lúc có thể khai thác mũ thông thường từ 7 đến 10 năm.

4.7 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.9 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;

Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.10 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ kế toán, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.12 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này:

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng;
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận;

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng;
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi;
- (v) Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.13 Giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của thành phẩm, dịch vụ bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

4.14 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.15 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.16 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hóa, dịch vụ do Công ty cung cấp chịu mức thuế suất thuế GTGT là 5% đối với thành phẩm mủ cao su và 10% đối với sản phẩm về gỗ.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng năm và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4.18 Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2019	01/01/2019
	(VND)	(VND)
Tiền mặt	143.667.913	388.978.485
Tiền gửi ngân hàng	251.850.533	17.593.702.053
Cộng	395.518.446	17.982.680.538

(*) Chi tiết tiền gửi không kỳ hạn tại các ngân hàng như sau :

	30/06/2019	01/01/2019
	(VND)	(VND)
Ngân hàng		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Quảng Bình	3.390.637	3.529.639
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Quảng Bình	223.177.263	17.415.475.932
Ngân hàng khác	25.282.633	174.696.482
Cộng	251.850.533	17.593.702.053

5.2 Phải thu khách hàng

	30/06/2019	01/01/2019
	(VND)	(VND)
a) Ngắn hạn	1.558.867.728	1.485.486.418
Công ty TNHH Vương Thuận	83.863.916	83.863.916
Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng Quảng Bình	66.013.000	381.750.000
Công ty TNHH Tân Minh	226.667.975	101.077.425
Công ty TNHH Thương mại & Đầu tư HF	348.681.000	89.946.000
Phải thu ngắn hạn khách hàng khác	833.641.837	828.849.077
b) Dài hạn	-	-
Cộng	1.558.867.728	1.485.486.418

5.3 Phải thu khác

	30/06/2019	01/01/2019
	(VND)	(VND)
a) Ngắn hạn	3.768.040.927	9.494.197.023
Tạm ứng	510.144.609	236.274.397
Phải thu khác	3.257.896.318	9.257.922.626
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu người lao động</i>	2.355.108.505	2.912.955.342
<i>Phải thu cổ tức lợi nhuận được chia</i>	-	4.400.000.000
<i>Phải thu khác</i>	902.787.813	1.944.967.284
b) Dài hạn	-	-
Cộng	3.768.040.927	9.494.197.023
Trong đó phải thu khác là bên liên quan (Xem thuyết minh 7.3)	-	4.486.250.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

5.4 Nợ xấu

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc (VND)	Giá trị có thể thu hồi (VND)	Dự phòng (VND)	Giá gốc (VND)
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	1.680.053.232	443.814.845	1.236.238.387	863.429.689
Dưới 1 năm	60.500.000	42.350.000	18.150.000	60.500.000
Ủy ban xã Vạn Trạch	60.500.000	42.350.000	18.150.000	60.500.000
Từ 1 đến 2 năm	802.929.689	401.464.845	401.464.844	802.929.689
Bà Nguyễn Thị Phương	65.969.581	32.984.791	32.984.790	65.969.581
Bà Phan Thị Vân	60.877.129	30.438.565	30.438.564	60.877.129
Đối tượng khác	676.082.979	338.041.489	338.041.490	676.082.979
Trên 3 năm	816.623.543	-	816.623.543	-
Ông Trần Hữu Thọ	16.833.300	-	16.833.300	-
Bà Hoàng Thị Hương	20.992.400	-	20.992.400	-
Bà Nguyễn Thị Xuân	22.495.400	-	22.495.400	-
Công ty TNHH MTV Quốc Tế Cao Nguyễn	115.015.000	-	115.015.000	-
Đối tượng khác	641.287.443	-	641.287.443	-
Cộng	1.680.053.232	443.814.845	1.236.238.387	863.429.689
				835.446.340

Mẫu số B 09a - DN

5.5 Hàng tồn kho

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)
Nguyên liệu, vật liệu	1.503.650.394	-	1.507.750.207	-
Công cụ, dụng cụ	139.605.945	-	309.927.430	-
Chi phí SXKD dở dang	10.086.976.091	-	11.400.358.310	-
Thành phẩm	677.570.923	56.311.947	710.087.328	-
Hàng hóa	22.711.817	-	22.711.817	-
Cộng	12.430.515.170	56.311.947	13.950.835.092	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu số B 09a - DN

5.6 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Máy móc và thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải truyền dẫn (VND)	Thiết bị dụng cụ quản lý (VND)	Cây lâu năm súc vật làm việc cho sản phẩm (VND)	Tài sản cố định hữu hình khác (VND)	Tổng cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ							
Số dư tại ngày 01/01/2019	154.969.461.760	16.834.136.882	5.643.998.308	1.952.742.737	25.170.819.962	918.314.479	205.489.474.128
Mua trong kỳ	-	358.920.000	-	-	-	-	358.920.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	18.671.514.820	-	18.671.514.820
Số dư tại ngày 30/06/2019	154.969.461.760	17.193.056.882	5.643.998.308	1.952.742.737	43.842.334.782	918.314.479	224.519.908.948
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư tại ngày 01/01/2019	84.230.582.889	15.528.357.784	4.811.842.762	1.522.992.481	13.302.040.608	507.342.735	119.903.159.259
Khấu hao trong kỳ	2.316.322.967	323.227.738	94.464.662	64.964.376	726.137.840	20.272.912	3.545.390.495
Số dư tại ngày 30/06/2019	86.546.905.856	15.851.585.522	4.906.307.424	1.587.956.857	14.028.178.448	527.615.647	123.448.549.754
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày 01/01/2019	70.738.878.871	1.305.779.098	832.155.546	429.750.256	11.868.779.354	410.971.744	85.586.314.869
Tại ngày 30/06/2019	68.422.555.904	1.341.471.360	737.690.884	364.785.880	29.814.156.334	390.698.832	101.071.359.194

Trong đó:

Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.787.558.503 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 1.620.859.230 đồng).

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố cho các khoản vay là 59.216.149.633 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 61.233.744.853 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

5.7 Tài sản dở dang dài hạn

	30/06/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
a) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	65.527.749.521	78.672.382.929
Cao su trồng năm 2009	-	7.843.861.500
Cao su trồng năm 2010	-	10.784.380.178
Cao su trồng năm 2011	4.075.187.116	3.708.103.427
Cao su trồng năm 2012	7.324.012.058	6.696.511.449
Cao su trồng năm 2013	4.704.879.833	4.175.267.662
Cao su trồng năm 2014	24.677.520.330	23.318.806.021
Cao su trồng năm 2015	15.697.187.251	13.914.015.605
Cao su trồng năm 2016	6.752.755.093	6.450.115.842
Cao su trồng năm 2018	1.293.298.792	1.173.583.450
Khác	1.002.909.048	607.737.795
b) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-
Cộng	65.527.749.521	78.672.382.929

5.8 Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa phát Quảng Bình theo hợp đồng góp vốn ngày 12/01/2016 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và Công ty TNHH MTV Việt Trung. Công ty thực hiện góp vốn bằng tài sản trên diện tích đất 614,44 ha tại các tiểu khu Hữu Nghị, Truyền Thống, Dũng Cầm, Sao Vàng có giá trị 81.840.000.000 đồng (Tám mươi một tỷ, tám trăm bốn mươi triệu đồng chẵn). Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa phát Quảng Bình được thành lập và hoạt động tại huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên do Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Bình cấp ngày 20 tháng 01 năm 2016, ngành nghề kinh doanh chính là chăn nuôi. Tại ngày 01/01/2019 và 30/06/2019 tỷ lệ sở hữu của Công ty là 27,28%, tỷ lệ kiểm soát là 27,28%.

5.9 Chi phí trả trước

	30/06/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ chưa phân bổ	-	-
Cộng	-	-
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Công cụ dụng cụ chưa phân bổ	277.433.755	312.280.064
Chi phí trả trước dài hạn khác	956.455.425	883.007.095
Cộng	1.233.889.180	1.195.287.159

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

5.10 Phải trả người bán

	30/06/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
a) Ngắn hạn	11.303.323.876	12.236.375.137
Công ty cổ phần vật tư nông nghiệp Quảng Bình	3.575.604.400	4.575.604.400
CN Quảng Bình Công ty Cổ phần Tổng công ty Sông Gianh	3.861.334.400	2.872.334.400
Công ty TNHH Tân Hoàng Phương	600.358.000	800.358.000
Công ty TNHH DV Vận tải Tiến Đạt	300.478.635	952.847.628
Phải trả nhà cung cấp khác	2.965.548.441	3.035.230.709
b) Dài hạn	-	-
Cộng	11.303.323.876	12.236.375.137

Công ty xác định có khả năng thanh toán 100% các khoản công nợ phải trả người bán. Công ty có kế hoạch chuyển nhượng Khách sạn Phú Quý trong năm 2019 để thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ sắp đến hạn.

5.11 Người mua trả tiền trước

	30/06/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
a) Ngắn hạn	6.017.178.266	4.233.424.830
Công ty TNHH Long Phú	1.500.000.000	1.500.000.000
Ông Hoàng Quang Sâm	1.629.058.700	2.044.558.700
Công ty Cổ phần Tamico	1.489.000.000	-
Công ty TNHH TM DV Long Hoàng	1.344.750.000	533.390.000
Người mua khác	54.369.566	155.476.130
b) Dài hạn	-	-
Cộng	6.017.178.266	4.233.424.830

5.12 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	30/06/2019 (VND)	Số phải nộp trong kỳ (VND)	Số đã thực nộp /bù trừ trong kỳ (VND)	01/01/2019 (VND)
a) Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	26.351.178	1.989.012	6.725.324	21.614.866
Cộng	26.351.178	1.989.012	6.725.324	21.614.866
b) Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	144.413.979	1.401.882.881	1.289.437.121	31.968.219
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.899.021	4.899.021	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.211.726.622	472.069.741	457.612.247	1.197.269.128
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	19.962.669	19.962.669
Các loại thuế khác	1.000.000	5.000.000	4.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	54.132.538	-	42.708.959	96.841.497
Cộng	1.411.273.139	1.883.851.643	1.818.620.017	1.346.041.513

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

5.13 Chi phí phải trả

	30/06/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Lãi vay phải trả	192.581.362	249.743.563
Cộng	192.581.362	249.743.563

5.14 Phải trả khác

	30/06/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
a) Ngắn hạn	28.415.147.686	47.172.030.697
Kinh phí công đoàn	2.632.103.757	2.556.339.953
Bảo hiểm xã hội	21.432.815.834	22.512.202.190
Bảo hiểm y tế	87.883.053	82.720.796
Bảo hiểm thất nghiệp	41.843.892	36.659.992
Phải trả về cổ phần hoá	-	17.138.451.483
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.220.501.150	4.845.656.283
<u>Trong đó</u>		
- Phải nộp thanh tra tỉnh Quảng Bình	1.834.853.000	1.834.853.000
- Chi phí cưa cắt gỗ củi bảo số 10/2017	475.293.168	1.056.888.650
- Lãi chậm trả tiền hàng	1.672.859.532	1.540.510.979
- Phải trả khác	237.495.450	413.403.654
b) Dài hạn	292.000.000	292.000.000
Ký quỹ ký cược	292.000.000	292.000.000
Cộng	28.707.147.686	47.464.030.697

Công ty xác định có khả năng thanh toán 100% các khoản công nợ phải trả khác. Công ty có kế hoạch chuyển nhượng Khách sạn Phú Quý trong năm 2019 để thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ sắp đến hạn và quá hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu số B 09a - DN

5.15 Vay và nợ thuế tài chính**a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn**

	30/06/2019 (VND)	Tăng (VND)	Giảm (VND)	01/01/2019 (VND)
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình {a}	12.628.635.621	12.628.635.621	9.000.000.000	9.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình {b}	44.705.000.000	42.280.000.000	42.280.753.000	44.705.753.000
Vay cá nhân {c}	8.830.000.000	20.890.000.000	15.760.000.000	3.700.000.000
Cộng vay ngắn hạn	66.163.635.621	75.798.635.621	67.040.753.000	57.405.753.000
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả (xem TM số 5.15b)	3.300.852.801			2.908.517.449
Cộng vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	69.464.488.422			60.314.270.449

Công ty xác định có đầy đủ khả năng trả nợ đối với tất cả các khoản nợ vay ngắn hạn. Công ty có kế hoạch chuyển nhượng Khách sạn Phú Quý trong năm 2019 để thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ sắp đến hạn.

{a} Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 869003150161/2018-HĐCVHM/NHCT400- VIETTRUNG ngày 17/01/2018 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức, tổng hạn mức tín dụng tại mọi thời điểm không vượt quá 15 tỷ đồng. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn vay và lãi suất được quy định trong từng giấy nhận nợ cụ thể, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là trụ sở công ty, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các đội Sao Vàng, Đoàn Kết, Chiến Thắng.

{b} Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình bao gồm 16 hợp đồng cho vay theo món. Các hợp đồng vay có thời gian vay từ 9 tháng đến 11 tháng, lãi suất từ 8,65%/năm đến 8,95%/năm. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản vay được bảo đảm bằng tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc ở khách sạn Phú Quý và phân xưởng tinh chế ở nhà máy chế biến gỗ Phú Quý.

{c} Các khoản vay ngắn hạn cá nhân theo các hợp đồng cho vay có thời hạn từ 3 tháng đến 12 tháng lãi suất từ 9%/năm đến 10%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu số B 09a - DN

b. Vay dài hạn và nợ thuế tài chính dài hạn

	30/06/2019 (VND)	Tăng (VND)	Giảm (VND)	01/01/2019 (VND)
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình {a}	7.967.928.800	-	1.000.000.000	8.967.928.800
Cộng Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	7.967.928.800	-	1.000.000.000	8.967.928.800
Phân loại sang vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	(3.300.852.801)			(2.908.517.449)
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình {a}	(3.300.852.801)			(2.908.517.449)
Cộng	4.667.075.999			6.059.411.351

Công ty xác định có đầy đủ khả năng trả nợ đối với tất cả các khoản nợ vay dài hạn. Công ty có kế hoạch chuyển nhượng Khách sạn Phú Quý trong năm 2019 để thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ sắp đến hạn.

{a} Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình theo hợp đồng tín dụng số 338/2015-HĐTDD/NHCT470-NT VIETTRUNG ngày 13/02/2015. Số tiền cam kết cho vay không vượt quá 13.900.000.000 đồng, thời hạn giải ngân là 18 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn cho vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn ân hạn là 30 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất được quy định trong từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: đầu tư dự án chăm sóc cao su kiến thiết cơ bản trồng từ năm 2009 - 2013, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là trụ sở Công ty, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các đội Sao Vàng, Đoàn Kết, Chiến Thắng.

Các hợp đồng vay dài hạn ngân hàng được trả nợ theo kế hoạch:

	30/06/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Trong vòng một năm	3.300.852.801	2.908.517.449
Từ hai đến năm thứ năm	4.667.075.999	6.059.411.351
Cộng	7.967.928.800	8.967.928.800
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	3.300.852.801	2.908.517.449
Số phải trả sau 12 tháng	4.667.075.999	6.059.411.351

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

5.16 Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu (VND)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (VND)	Cộng (VND)
Tại ngày 01/01/2018	170.817.912.550	(19.294.600.965)	151.523.311.585
Lãi trong năm	-	840.690.864	840.690.864
Tại ngày 01/01/2019	170.817.912.550	(18.453.910.101)	152.364.002.449
Lỗ trong kỳ	-	(10.536.239.945)	(10.536.239.945)
Tại ngày 30/06/2019	170.817.912.550	(28.990.150.046)	141.827.762.504

b) Cổ phiếu

	30/06/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.572.372	18.572.372
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.572.372	18.572.372
- Cổ phiếu phổ thông	18.572.372	18.572.372
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.572.372	18.572.372
- Cổ phiếu phổ thông	18.572.372	18.572.372

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND.

Số lượng cổ phiếu được lấy căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.550.972.526	10.865.025.422
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	15.550.972.526	10.097.687.240
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	767.338.182
Cộng	15.550.972.526	10.865.025.422
Trong đó doanh thu với các bên liên quan (Xem thuyết minh 7.3)	-	-

6.2 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	16.479.351.012	10.196.357.786
Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	1.368.168.690
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	56.311.947	-
Cộng	16.535.662.959	11.564.526.476

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	14.123.504	56.544.996
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.245.334.608	941.160.000
Cộng	2.259.458.112	997.704.996

6.4 Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
Lãi tiền vay	2.643.569.298	2.248.429.153
Lãi chậm thanh toán tiền hàng	249.853.556	374.931.823
Cộng	2.893.422.854	2.623.360.976

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
a) Chi phí bán hàng		
Chi phí mua ngoài	283.785.017	141.773.382
Chi phí bằng tiền khác	139.300.000	74.822.400
Cộng	423.085.017	216.595.782
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí khấu hao	1.378.071.651	680.225.652
Chi phí lương và các khoản trích theo lương	4.230.367.117	1.719.976.708
Thuế phí và lệ phí	424.050.228	309.923.842
Trích dự phòng phải thu khó đòi	400.792.047	-
Chi phí mua ngoài	396.822.145	380.200.315
Chi phí bằng tiền khác	450.340.351	1.107.147.568
Cộng	7.280.443.539	4.197.474.085

6.6 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
Tiền bồi hoàn độ phì của đất	485.300.000	2.641.997.249
Cho thuê nhà ở, văn phòng	96.900.000	147.750.200
Thu đền bù giải phóng mặt bằng	506.035.000	-
Bán thanh lý tài sản cố định	-	61.459.943
Thu nhập khác	59.299.898	499.680.678
Cộng	1.147.534.898	3.350.888.070

6.7 Chi phí khác

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
Khấu hao Khách sạn Phú Quý	600.971.190	-
Đền bù đất không đủ điều kiện	426.701.000	-
Lãi chậm nộp bảo hiểm	1.060.703.750	-
Các khoản khác	273.215.172	183.497.516
Cộng	2.361.591.112	183.497.516

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
Lợi nhuận trước thuế	(10.536.239.945)	(3.571.836.347)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng	1.487.404.750	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	(9.048.835.195)	(3.571.836.347)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

6.9 Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(10.536.239.945)	(3.571.836.347)
Trừ Quý khen thưởng phúc lợi ước tính	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	(10.536.239.945)	(3.571.836.347)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	18.572.372	18.572.372
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(567)	(192)

Công ty thực hiện tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu căn cứ số cổ phiếu đang lưu hành được quy định trên đăng ký doanh nghiệp. Vốn điều lệ trên đăng ký kinh doanh là khác với số dư vốn góp của chủ sở hữu do trong năm 2016 Công ty thực hiện bàn giao tài sản là hệ thống nhà trẻ, đường giao thông lại cho chính quyền địa phương theo QĐ số 3015/QĐ-UBND ngày 30/09/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình. Tuy nhiên tới thời điểm lập Báo cáo này, Công ty chưa nhận được Quyết định về việc giảm vốn Nhà nước sau khi cổ phần hóa.

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.443.298.891	9.321.085.279
Chi phí nhân công	9.509.583.881	6.752.439.913
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.545.390.495	4.050.892.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	680.607.162	521.973.697
Chi phí khác bằng tiền	1.467.965.251	1.205.554.187
Cộng	23.646.845.680	21.851.945.676

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu số B 09a - DN

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**7.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo theo lĩnh vực địa lý****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh****Bảng cân đối kế toán**

	Hoạt động kinh doanh Cao su	Hoạt động kinh doanh Gỗ	Hoạt động kinh doanh khác	Tổng cộng
	30/06/2019 (VND)	30/06/2019 (VND)	30/06/2019 (VND)	30/06/2019 (VND)
Tài sản				
Tài sản bộ phận	1.228.878.627	12.782.504.391	-	14.011.383.018
Tài sản không phân bổ	-	-	-	252.570.358.112
Tổng tài sản	1.228.878.627	12.782.504.391	-	266.581.741.130
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	15.269.275.483	2.051.226.659	-	17.320.502.142
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	106.753.476.484
Tổng nợ phải trả	15.269.275.483	2.051.226.659	-	124.073.978.626
	01/01/2019 VND	01/01/2019 VND	01/01/2019 VND	01/01/2019 VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	1.673.175.371	14.020.612.054	42.261.205	15.736.048.630
Tài sản không phân bổ	-	-	-	273.957.506.043
Tổng tài sản	1.673.175.371	14.020.612.054	42.261.205	289.693.554.673
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	13.625.246.830	2.844.553.137	-	16.469.799.967
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	120.179.752.257
Tổng nợ phải trả	13.625.246.830	2.844.553.137	-	136.649.552.224

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu số B 09a - DN

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

	Hoạt động kinh doanh Cao su (VND)	Hoạt động kinh doanh Gỗ (VND)	Hoạt động kinh doanh khác (VND)	Tổng cộng (VND)
Doanh thu				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	5.486.300.000	10.064.672.526	-	15.550.972.526
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
Tổng Doanh thu	5.486.300.000	10.064.672.526	-	15.550.972.526
Khấu hao và chi phí phân bổ	10.042.257.346	14.196.934.169	-	24.239.191.515
Kết quả kinh doanh	(4.555.957.346)	(4.132.261.643)	-	(8.688.218.989)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(4.555.957.346)	(4.132.261.643)	-	(8.688.218.989)
Doanh thu từ các khoản đầu tư	-	-	-	2.259.458.112
Lãi (lỗ) khác	-	-	-	(1.214.056.214)
Chi phí tài chính	-	-	-	2.893.422.854
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	(10.536.239.945)
Chi phí thuế TNDN	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	(10.536.239.945)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu số B 09a - DN

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 ngày 06 năm 2018

	Hoạt động kinh doanh Cao su (VND)	Hoạt động kinh doanh Gỗ (VND)	Hoạt động kinh doanh khác (VND)	Tổng cộng (VND)
Doanh thu				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.749.500.000	7.348.187.240	767.338.182	10.865.025.422
Tổng Doanh thu	2.749.500.000	7.348.187.240	767.338.182	10.865.025.422
Khấu hao và chi phí phân bổ	4.043.538.688	10.806.575.521	1.128.482.134	15.978.596.343
Kết quả kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận	(1.294.038.688)	(3.458.388.281)	(361.143.952)	(5.113.570.921)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(1.294.038.688)	(3.458.388.281)	(361.143.952)	(5.113.570.921)
Doanh thu từ các khoản đầu tư	-	-	-	997.704.996
Lãi (lỗ) khác	-	-	-	3.167.390.554
Chi phí tài chính	-	-	-	2.623.360.976
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	(3.571.836.347)
Chi phí thuế TNDN	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ				(3.571.836.347)

7.2 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nêu trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty không có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư, theo đó Ban giám đốc Công ty theo dõi biến động giá thị trường và thực hiện trích lập dự phòng phù hợp cho phần giảm giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

	Dưới 1 năm (VND)	Trên 1 năm (VND)	Tổng (VND)
Ngày 30/06/2019			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	395.518.446	-	395.518.446
Phải thu khách hàng	1.558.867.728	-	1.558.867.728
Phải thu khác	3.790.041.047	-	3.790.041.047
Đầu tư dài hạn	-	81.840.000.000	81.840.000.000
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	1.236.238.387	-	1.236.238.387
Dự phòng giảm giá các khoản ĐT	-	-	-
Cộng	4.508.188.834	81.840.000.000	86.348.188.834
Ngày 30/06/2019			
Các khoản vay	69.464.488.422	4.667.075.999	74.131.564.421
Phải trả người bán	11.303.323.876	-	11.303.323.876
Phải trả khác và chi phí phải trả	40.247.271.404	292.000.000	40.539.271.404
Cộng	121.015.083.702	4.959.075.999	125.974.159.701
Chênh lệch thanh khoản thuần	(116.506.894.868)	76.880.924.001	(39.625.970.867)
Ngày 01/01/2019			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.982.680.538	-	17.982.680.538
Phải thu khách hàng	1.485.486.418	-	1.485.486.418
Phải thu khác	9.793.924.143	-	9.793.924.143
Đầu tư dài hạn	-	81.840.000.000	81.840.000.000
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	835.446.340	-	835.446.340
Dự phòng giảm giá các khoản ĐT	-	-	-
Cộng	28.426.644.759	81.840.000.000	110.266.644.759
Ngày 01/01/2019			
Phải trả người bán	12.236.375.137	-	12.236.375.137
Phải trả khác và chi phí phải trả	59.678.058.920	292.000.000	59.970.058.920
Các khoản vay	60.314.270.449	6.059.411.351	66.373.681.800
Cộng	132.228.704.506	6.351.411.351	138.580.115.857
Chênh lệch thanh khoản thuần	(103.802.059.747)	75.488.588.649	(28.313.471.098)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu số B 09a - DN

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2019	01/01/2019	30/06/2019	01/01/2019
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Các khoản cho vay và phải thu	5.348.908.775	11.279.410.561	5.348.908.775	11.279.410.561
<i>Phải thu khách hàng</i>	1.558.867.728	1.485.486.418	1.558.867.728	1.485.486.418
<i>Phải thu khác</i>	3.790.041.047	9.793.924.143	3.790.041.047	9.793.924.143
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	395.518.446	17.982.680.538	395.518.446	17.982.680.538
<i>Chứng khoán kinh doanh</i>	-	-	-	-
<i>Cho vay ngắn hạn</i>	-	-	-	-
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	-	-	-	-
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	395.518.446	17.982.680.538	395.518.446	17.982.680.538
Tổng cộng	5.744.427.221	29.262.091.099	5.744.427.221	29.262.091.099
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	74.131.564.421	66.373.681.800	74.131.564.421	66.373.681.800
<i>Phải trả người bán</i>	11.303.323.876	12.236.375.137	11.303.323.876	12.236.375.137
<i>Phải trả khác</i>	40.247.271.404	60.314.270.449	40.247.271.404	60.314.270.449
Tổng cộng	125.682.159.701	138.924.327.386	125.682.159.701	138.924.327.386

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/06/2019 và ngày 01/01/2019. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trong yếu tố giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

7.3 Thông tin về các bên liên quan**Các bên liên quan**Bên liên quan

Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình

Mối quan hệ

Công ty liên doanh

Các giao dịch với các bên liên quan

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
Cổ tức		
Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình	2.245.334.608	941.160.000
Số dư với các bên liên quan		
	30/06/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Các khoản phải thu khác		
Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình	-	4.486.250.000
Thu nhập của Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát		
	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
Lương và tiền thưởng BGD, Hội đồng quản trị	668.145.600	562.728.000
Cộng	668.145.600	562.728.000

7.4 Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Đến ngày lập Báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cho rằng không có sự kiện nào khác có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7.5 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018 chưa được soát xét.

Quảng Bình, ngày 13 tháng 08 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU



Phan Hữu Bằng

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Hải Thanh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Văn Minh